

THE 1950 EDUCATION REFORM IN VIETNAM: HISTORICAL LEGACY AND ITS SIGNIFICANCE FOR THE DEVELOPMENT OF VIETNAMESE EDUCATION

Dang Thi Phuong^{*1}, Bui Ngoc Diep²,
Nguyen Thi Chi³, Duong Quang Ngoc⁴

* Corresponding author
Email: phuongdt@gesd.edu.vn

² Email: diepbn@gesd.edu.vn

³ Email: chint@gesd.edu.vn

⁴ Email: ngocdq@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 17/12/2025

Revised: 10/5/2026

Accepted: 15/6/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: The 1950 Education reform marked a significant turning point, establishing for the first time a comprehensive educational system to replace the colonial-feudal model, guided by the principles of “National – Scientific – Mass”. This article examines the historical context, key innovations in school structure, curricula, and textbooks, as well as teaching methods and teacher policies, and highlights the reform’s achievements and challenges. It further clarifies the long-term impacts on the development of revolutionary education in Vietnam and its legacy in subsequent reforms. It draws policy implications for the present status, particularly for implementing Resolution No.71-NQ/TW, which envisions Vietnam among the world’s top 20 education systems by 2045.

Keywords: Education reform; national - scientific - mass principles; history of education; curriculum and method innovation; educational philosophy; education policy.

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC VIỆT NAM 1950: DI SẢN LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đặng Thị Phương^{*1}, Bùi Ngọc Diệp²,
Nguyễn Thị Chi³, Dương Quang Ngọc⁴

* Tác giả liên hệ
Email: phuongdt@gesd.edu.vn

² Email: diepbn@gesd.edu.vn

³ Email: chint@gesd.edu.vn

⁴ Email: ngocdq@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 17/12/2025

Chỉnh sửa xong: 10/5/2026

Chấp nhận đăng: 15/6/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Cuộc Cải cách giáo dục năm 1950 là bước ngoặt quan trọng, lần đầu tiên kiến tạo một hệ thống giáo dục mới thay thế mô hình cũ của thực dân - phong kiến, dựa trên ba nguyên tắc “Dân tộc - Khoa học - Đại chúng”. Bài báo phân tích bối cảnh lịch sử, những đổi mới cốt lõi về cơ cấu hệ thống, chương trình - sách giáo khoa, phương pháp dạy học và chính sách đối với đội ngũ giáo viên, đồng thời chỉ ra thành công cũng như những thách thức trong quá trình triển khai. Nghiên cứu cũng làm rõ tác động lâu dài của cải cách đối với sự phát triển của nền giáo dục cách mạng, sự kế thừa trong các giai đoạn cải cách sau này và gợi mở những hàm ý chính sách cho hiện tại, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một trong 20 quốc gia có nền giáo dục hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Từ khóa: Cải cách giáo dục, Dân tộc - Khoa học - Đại chúng, lịch sử giáo dục, đổi mới chương trình và phương pháp, triết lý giáo dục, chính sách giáo dục.

1. Đặt vấn đề

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nền giáo dục Việt Nam đã bước vào một giai đoạn phát triển mới với những thành tựu ban đầu như phong trào Bình dân học vụ và việc xây dựng nền giáo dục dân chủ nhân dân. Tuy nhiên, giai đoạn 1945 - 1949 vẫn còn nhiều hạn chế, cả về cơ sở vật chất, đội ngũ và nội dung chương trình, trong khi đất nước phải đối diện với cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Trong bối cảnh đó, yêu cầu cấp bách đặt ra là

phải tái cấu trúc hệ thống giáo dục để vừa phục vụ trực tiếp cho kháng chiến, vừa chuẩn bị nền tảng cho công cuộc kiến quốc lâu dài.

Tháng 7 năm 1950, Hội đồng Chính phủ thông qua Đề án Cải cách giáo dục lần thứ nhất, đánh dấu cuộc cải cách giáo dục toàn diện đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Nguyễn Đình Vỹ, 2016). Cuộc cải cách không chỉ đổi mới hệ thống giáo dục, chương trình, sách giáo khoa và phương pháp

dạy học mà còn xác lập ba nguyên lý nền tảng Dân tộc - Khoa học - Đại chúng, qua đó định hình triết lý, mục tiêu và mô hình phát triển của nền giáo dục quốc gia. Theo Fullan (2007), cải cách giáo dục là quá trình thay đổi đồng bộ các thành tố của hệ thống giáo dục, từ triết lý, mục tiêu đến cơ chế tổ chức và thực thi chính sách. Từ cách tiếp cận này, bài báo xem Cải cách giáo dục năm 1950 như một bước chuyển về thiết kế thể chế của nền giáo dục Việt Nam.

Mặc dù cuộc Cải cách giáo dục năm 1950 đã được nhiều học giả nghiên cứu, tiêu biểu như Nghiêm Đình Vỹ (2016), Phạm Tất Dong (2010), Bùi Minh Hiền (2004, 2023), Đinh Quang Hải (2020) và Lê Văn Giăng (2003), các công trình chủ yếu tập trung tái hiện diễn biến lịch sử, phân tích nội dung cải cách hoặc khái quát tiến trình phát triển giáo dục Việt Nam. Chưa có nhiều nghiên cứu tiếp cận cuộc cải cách dưới góc nhìn triết lý giáo dục và thiết kế thể chế, đồng thời làm rõ cơ chế kế thừa và phát triển các nguyên lý giáo dục qua các giai đoạn cải cách tiếp theo. Khoảng trống này có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần lý giải tính liên tục của tư duy cải cách giáo dục Việt Nam.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài báo hướng tới bốn mục tiêu: 1) Làm rõ bối cảnh lịch sử và động lực chính sách dẫn tới Cải cách giáo dục năm 1950; 2) Phân tích những đổi mới cốt lõi về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục, chương trình, phương pháp và phát triển đội ngũ; 3) Phân tích cơ chế kế thừa và phát triển các nguyên lý của cuộc cải cách trong các giai đoạn tiếp theo; 4) Làm rõ giá trị lịch sử cũng như ý nghĩa của cuộc cải cách đối với đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiếp cận Cải cách giáo dục năm 1950 như một quá trình kiến tạo thể chế giáo dục quốc gia và phân tích cuộc cải cách trên năm phương diện: 1) Triết lý giáo dục; 2) Mục tiêu giáo dục; 3) Mô hình và cơ cấu hệ thống giáo dục; 4) Chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục; 5) Cơ chế tổ chức thực hiện cùng tác động đối với sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Từ khung phân tích này, bài báo tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu: 1) Vì sao Cải cách giáo dục năm 1950 được xem là bước ngoặt trong quá trình hình thành nền giáo dục Việt Nam hiện đại? 2) Những nguyên lý giáo dục nào được xác lập từ cuộc cải cách và được kế thừa, phát triển qua các giai đoạn cải cách tiếp theo? 3) Giá trị lịch sử của cuộc cải cách gợi mở những bài học gì cho đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay?

Về mặt khoa học, nghiên cứu góp phần bổ sung cách tiếp cận Cải cách giáo dục năm 1950 như một bước chuyển về triết lý giáo dục và thiết kế thể chế thay vì chỉ là một sự kiện lịch sử hoặc một đợt đổi mới chính sách. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu làm rõ cơ chế kế thừa và phát triển các nguyên lý cốt lõi của cuộc cải cách, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoạch định và triển khai chính sách giáo dục trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu lịch sử, phân tích tài liệu và phân tích chính sách, nhằm làm rõ bối cảnh, nội dung, giá trị và ảnh hưởng của cuộc Cải cách giáo dục năm 1950 trong tiến trình phát triển của nền giáo dục Việt Nam.

Nguồn tư liệu gồm hai nhóm. Tư liệu gốc bao gồm các nghị quyết, sắc lệnh, văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc gia Giáo dục giai đoạn 1945-1954 cùng các tài liệu lưu trữ và tư liệu đương thời phản ánh trực tiếp quá trình xây dựng và triển khai cuộc cải cách. Tư liệu thứ cấp gồm các công trình nghiên cứu về lịch sử giáo dục Việt Nam, cải cách giáo dục và chính sách giáo dục của Nghiêm Đình Vỹ, Phạm Tất Dong, Bùi Minh Hiền, Đinh Quang Hải, Lê Văn Giăng và một số tác giả khác. Các nguồn tư liệu được lựa chọn trên cơ sở tính xác thực, tính chính thống và mức độ liên quan, đồng thời được đối chiếu giữa nhiều nguồn nhằm bảo đảm độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu được triển khai qua ba bước. Thứ nhất, thu thập, hệ thống hóa và đối chiếu các nguồn tư liệu để tái hiện bối cảnh lịch sử, động lực chính sách và quá trình hình thành Cải cách giáo dục năm 1950. Thứ hai, phân tích nội dung theo khung gồm năm chiều cạnh: 1) Triết lý giáo dục; 2) Mục tiêu giáo dục; 3) Mô hình và cơ cấu hệ thống giáo dục; 4) Chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục; 5) Ảnh hưởng của cuộc cải cách đối với sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Khung phân tích này cho phép tiếp cận Cải cách giáo dục năm 1950 như một quá trình kiến tạo thể chế giáo dục quốc gia. Thứ ba, thực hiện phân tích so sánh theo chiều thời gian giữa giai đoạn trước và sau cải cách, đồng thời đối chiếu với các cuộc cải cách giáo dục tiếp theo để làm rõ cơ chế kế thừa và phát triển các nguyên lý giáo dục.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu tổng hợp các phát hiện dưới góc nhìn lịch sử, giáo dục học và phân tích chính sách nhằm lý giải tính bước ngoặt

của Cải cách giáo dục năm 1950 và làm rõ giá trị kế thừa của các nguyên lý giáo dục trong tiến trình đổi mới giáo dục Việt Nam trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu tổng hợp các phát hiện dưới góc nhìn lịch sử, giáo dục học và phân tích chính sách nhằm lí giải tính bước ngoặt của Cải cách giáo dục năm 1950 và làm rõ giá trị kế thừa của các nguyên lý giáo dục trong tiến trình đổi mới giáo dục Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bối cảnh lịch sử dẫn đến cải cách năm 1950

Sau khi giành độc lập, đất nước non trẻ lập tức bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy cam go. Nền kinh tế - xã hội kiệt quệ sau nhiều thập kỷ bị đô hộ và chiến tranh, trong khi hơn 90% dân số còn mù chữ, đặt ra thách thức vô cùng lớn. Trước tình hình đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, với định hướng xây dựng một nền giáo dục mới trên ba nguyên tắc cơ bản: Dân tộc, Khoa học, Đại chúng, được quy định rõ trong Sắc lệnh 146/SL. Cùng với đó, chiến dịch “diệt giặc đói” qua phong trào Bình dân học vụ được phát động mạnh mẽ, trở thành một nhiệm vụ cách mạng cấp bách. Sắc lệnh 146/SL cũng đồng thời phác thảo một hệ thống giáo dục quốc dân có cơ cấu rõ ràng, thay thế cho mô hình giáo dục cũ của thực dân - phong kiến.

Trước năm 1950, nền giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dù đã đạt được những thành tựu ban đầu đáng khích lệ vẫn còn mang tính chắp vá, chưa có một hệ thống toàn diện và thống nhất. Tình hình đất nước những năm 1948, 1949 và đặc biệt từ năm 1950 có nhiều chuyển biến lớn. Những thắng lợi về quân sự, mà trước hết là thắng lợi trong chiến dịch Cao - Bắc - Lạng có ý nghĩa to lớn về chiến lược đã phá tan thế bao vây của kẻ địch, thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa, mở ra một cục diện mới về chính trị và quân sự (Đinh Quang Hải, 2020). Cục diện mới này đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải củng cố vùng giải phóng, xây dựng hậu phương vững chắc và đào tạo một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để đảm đương các nhiệm vụ về hành chính, kinh tế, quân sự. Yêu cầu phải thống nhất và chuẩn hóa nền giáo dục để phục vụ mục tiêu này trở nên rõ nét hơn bao giờ hết.

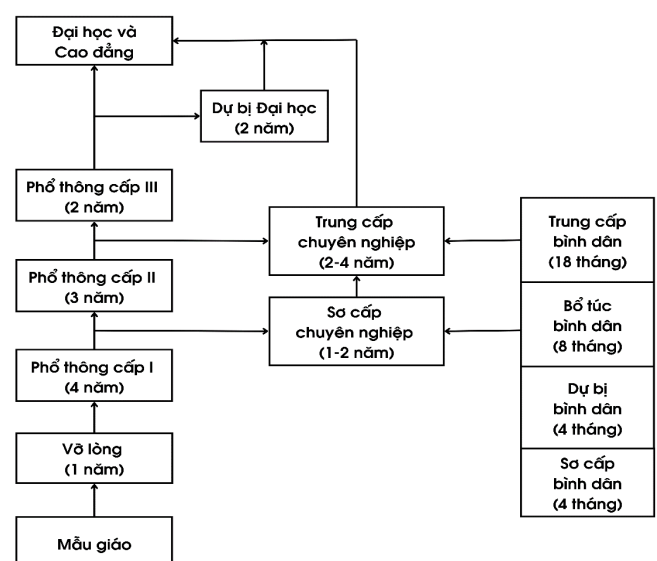
Về tư tưởng chỉ đạo, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc phục vụ kháng chiến và kiến quốc. Thực tế cho thấy, nền giáo dục cũ chưa đáp ứng được yêu cầu này. Trong báo cáo đọc tại Hội nghị cán bộ Trung ương

6 (tháng 01 năm 1949), đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ sự yếu kém cố hữu: “Kháng chiến mà chưa có giáo dục quốc phòng, giáo dục kháng chiến. Nước nhà đang xây dựng chế độ dân chủ mới trong kháng chiến mà nền giáo dục của ta chưa có tinh thần dân chủ mới, chương trình giáo dục và cách dạy học còn có tính chất nhồi sọ nhiều” (Bùi Minh Hiền, 2004). Do đó, mục tiêu của nhà trường là giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người “Công dân lao động tương lai” trung thành với chế độ dân chủ nhân dân và có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân (Phạm Tất Dong, 2010).

Đáp ứng yêu cầu của lịch sử, tháng 7 năm 1950, Hội đồng Chính phủ đã chính thức thông qua *Đề án Cải cách giáo dục*, nhằm xác lập mục tiêu và nguyên tắc mới; cải tổ hệ thống giáo dục quốc dân; đổi mới chương trình, sách giáo khoa và đội ngũ giáo viên. Đề án Cải cách giáo dục này đã mở ra một cuộc cách mạng thực sự trên mặt trận giáo dục.

3.2. Nội dung và những đổi mới cốt lõi của cải cách năm 1950

Cải cách giáo dục năm 1950 là một cuộc cách mạng toàn diện, thay đổi căn bản nền giáo dục cũ. Cuộc cải cách đã kiến thiết một hệ thống giáo dục mới, thống nhất và liên thông, thay thế hoàn toàn cấu trúc cũ. Hệ thống này không chỉ bao gồm các bậc học chính quy, mà còn có những chương trình song hành nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân trong điều kiện chiến tranh. Cấu trúc tổng thể của nền giáo dục sau cải cách được minh họa trong sơ đồ sau:



Sơ đồ 1: Sơ đồ hệ thống giáo dục Việt Nam sau Cải cách giáo dục năm 1950

Về cơ cấu cấp học: Để phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh, nội dung chủ yếu của cuộc cải cách lần này là thay đổi cơ cấu giáo dục phổ thông (rút bớt số năm học) và điều chỉnh quan hệ giữa các bộ phận của hệ thống giáo dục để thống nhất với sự thay đổi đó. Theo đó, cơ cấu giáo dục phổ thông gồm 3 cấp, thực hiện trong 9 năm.,

Đổi mới căn bản nhất là việc thay thế mô hình giáo dục 12 năm kiểu Pháp bằng hệ thống phổ thông 9 năm, được chia thành 3 cấp: Cấp I (4 năm), Cấp II (3 năm) và Cấp III (2 năm). Hệ thống này được cho là ngắn gọn, phù hợp hơn với điều kiện thời chiến, hướng tới thống nhất chương trình trong toàn vùng tự do và đặt nền móng cho việc liên thông lên giáo dục chuyên nghiệp và đại học. Các kì thi cuối cấp Tiểu học và Trung học đều bị bãi bỏ. Tuy nhiên, để kiểm tra đánh giá một cách tổng quát kết quả học tập của học sinh vào cuối năm lớp 9 vẫn tổ chức một kì thi tốt nghiệp (Nghiêm Đình Vỹ, 2016).

Về chương trình và sách giáo khoa: Chương trình học và sách giáo khoa được hoàn toàn xây dựng lại với nội dung kiến thức khoa học cơ bản, có hệ thống, có tính chất tiên tiến và mang tính chất thiết thực, sát với yêu cầu của cuộc kháng chiến (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ tập 1, gói FT). Nhiều môn không thiết thực với kháng chiến như Ngoại ngữ, Nhạc, Vẽ, Nữ công gia chánh bị tạm gác. Các môn học như Thời sự - chính sách, Giáo dục công dân, Tăng gia sản xuất được đưa vào chương trình chính khóa. Nội dung các môn khoa học xã hội được tập trung vào lịch sử, văn học cách mạng Việt Nam. Các môn Khoa học tự nhiên được tinh giản, chú trọng giới thiệu những ứng dụng thực tiễn trong sản xuất và chiến đấu, ví dụ như “những sáng chế phát minh về kĩ thuật cơ khí, hóa chất của các công binh xưởng; những sáng kiến về trồng trọt, chăn nuôi của các địa phương trong phong trào tăng gia sản xuất” (Đình Quang Hải, 2020). Để thực hiện nhiệm vụ này, mùa hè năm 1950, Bộ Giáo dục đã thành lập Trại Tu thư tại Đào Giã (tỉnh Phú Thọ), tập hợp 30 giáo viên giỏi để biên soạn sách giáo khoa mới (Phạm Tất Dong, 2010).

Về phương pháp dạy học: Cuộc cải cách chủ trương chuyển từ phương pháp học thụ động, nhồi sọ sang phát triển tư duy và năng lực thực hành. Phương châm “Học đi đôi với hành, lí luận gắn với thực tiễn” được quán triệt sâu sắc (Đình Quang Hải, 2020). Việc học được gắn liền với lao động sản xuất, đời sống và chiến đấu, thể hiện qua các hoạt động như tham gia

công tác địch vận, giúp đỡ bộ đội, tăng gia sản xuất. Nền giáo dục cũng chú trọng đào tạo con người toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mĩ.

Về chính sách đối ngũ và người học: Một vấn đề quan trọng mà cuộc cải cách giáo dục đặt ra là muốn thực hiện tốt mục tiêu của cuộc cải cách giáo dục thì không phải chỉ có thay đổi hệ thống nhà trường, chương trình học và sách giáo khoa là đủ, mà còn phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực và trình độ của người giáo viên (Phạm Tất Dong, 2010). Vì vậy, Bộ Quốc gia Giáo dục chủ trương ban hành những biện pháp tích cực để bồi dưỡng giáo viên về tư tưởng, văn hóa và nghiệp vụ như: Quy hoạch đào tạo dài hạn, chủ trương mở các trường sư phạm sơ cấp và trung cấp, ở trung ương và ở địa phương (Liên khu); Ở Trung ương mở một trường sư phạm miền núi để đào tạo cán bộ giáo dục cho các dân tộc thiểu số.

Công tác bồi dưỡng tư tưởng và chuyên môn cho giáo viên được đặc biệt quan tâm. Cuộc vận động “Rèn cán chỉnh cơ” năm 1950 đã được phát động sâu rộng nhằm giúp giáo viên nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình dưới chế độ mới, phê phán các quan điểm giáo dục trung lập, chuyên môn nghiệp vụ đơn thuần, xây dựng mối quan hệ tốt giữa nhà trường với địa phương, giữa thầy và trò. Chính huấn toàn ngành được đẩy mạnh từ năm 1953 trở đi, đây là công tác quan trọng bậc nhất nhằm chuẩn bị cho cán bộ tham gia phong trào phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và tiếp tục củng cố lập trường giai cấp, phục vụ công nông. Ngoài ra các khu, các tỉnh còn mở rộng thêm những lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Đặc biệt, trong thời gian này, Bộ đã quyết định mở nhiều trường sư phạm ở Trung ương và các Liên khu để đào tạo giáo viên. Tháng 11 năm 1951, Bộ đã cử nhiều cán bộ, sinh viên sang học tập tại một loạt các Khu học xá Nam Ninh (Trung Quốc), đã có hơn 2000 cán bộ giáo viên được đào tạo trở về nước công tác; đại bộ phận trong số họ trở thành cán bộ cốt cán của ngành Giáo dục sau này (Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị, 2023).

Chính phủ cũng ban hành các chính sách ưu tiên, khuyến học cho con em gia đình cán bộ, chiến sĩ, gia đình có công với cách mạng, đồng thời huy động sức mạnh của toàn xã hội để hỗ trợ phong trào học tập. Từ nhận thức về vai trò của khoa học - kĩ thuật tiên tiến, Chính phủ chú trọng chính sách đưa lưu học sinh ra nước ngoài đào tạo như một bước đi chiến

lược trong xây dựng nguồn nhân lực. Từ năm 1951, Đảng và Nhà nước đã bắt đầu cử các đoàn lưu học sinh đi đào tạo tại Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Năm học 1949 - 1950, tổng số sinh viên Đại học được đào tạo tại các trường Đại học là 1.100 sinh viên. Tháng 7 năm 1951, đoàn lưu học sinh đầu tiên gồm 21 người đã được gửi sang Liên Xô học tập. Các năm 1953, 1954, Việt Nam tiếp tục gửi các đoàn sang Liên Xô (50 người), Cộng hòa dân chủ Đức (4 người), Bungari (1 người), Trung Quốc (190 người) (Phạm Tất Dong, 2010)... Đây là một chủ trương có tầm nhìn chiến lược, nhằm xây dựng một đội ngũ chuyên gia đầu ngành cho công cuộc kiến thiết đất nước sau này. Như vậy, nhìn tổng quát về cuộc cải cách giáo dục năm 1950, có thể nhận thấy:

Cải cách giáo dục năm 1950 không chỉ là sự điều chỉnh về cơ cấu hệ thống giáo dục, chương trình, sách giáo khoa hay tổ chức nhà trường, mà trước hết là sự chuyển đổi căn bản về triết lý và mục tiêu giáo dục. Nếu nền giáo dục trước đó chủ yếu phục vụ bộ máy cai trị thuộc địa và đào tạo một bộ phận nhỏ phục vụ chính quyền, thì cuộc cải cách năm 1950 xác lập một quan niệm mới: giáo dục nhằm đào tạo những công dân của nước Việt Nam độc lập, có tri thức, phẩm chất và năng lực phục vụ kháng chiến, kiến quốc và sự phát triển lâu dài của đất nước. Trên nền tảng ba nguyên lý: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng, giáo dục được xác định là một bộ phận hữu cơ của sự nghiệp cách mạng, gắn chặt với yêu cầu phát triển quốc gia và lợi ích của nhân dân. Trong mô hình đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc hoạch định mục tiêu, thiết kế hệ thống giáo dục, xây dựng chương trình, đào tạo đội ngũ giáo viên và huy động các nguồn lực xã hội để tổ chức thực hiện. Chính sự thay đổi về triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và vai trò của Nhà nước đã tạo nền tảng cho những đổi mới về hệ thống giáo dục, chương trình, phương pháp dạy học và chính sách phát triển đội ngũ, qua đó đưa Cải cách giáo dục năm 1950 trở thành một bước ngoặt trong tiến trình phát triển của nền giáo dục Việt Nam.

Cuộc cải cách này được thực hiện trong điều kiện dự phòng tình hình kháng chiến có thể kéo dài. Nhưng với nỗ lực và hi sinh to lớn của quân và dân ta, có sự chỉ đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1951 là Đảng Lao động Việt Nam), cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc vào năm 1954 (4 năm sau khi triển khai cải cách giáo dục). Sang giai đoạn mới, tình hình và nhiệm vụ mới, đất nước ta lại chuẩn bị để bước vào một cuộc chiến mới, kéo dài hơn và gian khổ

hơn. Ngành Giáo dục lại phải làm một cuộc cải cách mới (1956) chỉ 6 năm sau cuộc cải cách năm 1950.

Sau 5 năm triển khai thực hiện, cuộc cải cách giáo dục năm 1950 đã có tác dụng: Cải tạo nền giáo dục cũ, phát triển mạnh mẽ nền giáo dục mới, bảo đảm việc học hành, đào tạo cho học sinh, sinh viên của ta trong điều kiện cả nước có chiến tranh, lại đồng thời bảo đảm đưa công tác giáo dục đóng góp trực tiếp ngày vào cuộc chiến đấu toàn diện của nhân dân ta trong sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, trong cuộc chiến đấu một mất một còn với quân xâm lược. Trên cơ sở đó, ngành Giáo dục đã góp phần chuẩn bị ở mức độ cần thiết về lực lượng cán bộ nói chung cho các ngành hoạt động sau hòa bình lập lại và lực lượng cho ngành Giáo dục nói riêng để phát triển ở các giai đoạn sau (Lê Văn Giảng, 2003).

Tóm lại, cuộc cải cách giáo dục 1950 là một bước ngoặt toàn diện, đã xác lập vững chắc nền tảng tư tưởng, mục tiêu và cơ cấu hệ thống cho một nền giáo dục thực sự của dân tộc, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp kháng chiến và chuẩn bị những tiền đề quan trọng cho công cuộc kiến quốc sau này.

3.3. Giá trị lịch sử và ảnh hưởng của Cải cách giáo dục năm 1950 đối với sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam

Cuộc Cải cách giáo dục năm 1950 là một dấu mốc quan trọng, không chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh kháng chiến chống thực dân Pháp mà còn thể hiện một tầm nhìn dài hạn, định hình lâu dài cho nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

Trước hết, cải cách này đã định hình nền giáo dục xã hội chủ nghĩa với ba nguyên tắc nền tảng: Dân tộc, Khoa học, Đại chúng. Đây được coi là “mốc khởi quy chuẩn” cho nền giáo dục mới, vừa đáp ứng yêu cầu của kháng chiến, vừa đặt cơ sở cho việc xây dựng hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc sau năm 1954. Các nguyên tắc này tiếp tục trở thành kim chỉ nam cho quá trình phát triển giáo dục ở Việt Nam, đặc biệt trong việc khẳng định bản sắc dân tộc, gắn với tiến bộ khoa học - kĩ thuật và bảo đảm tính phổ cập cho toàn dân. Việc xác lập hệ thống ba cấp học, thống nhất chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học toàn diện đã hình thành một khuôn khổ quy chuẩn đầu tiên cho hệ thống giáo dục quốc dân, từ phổ thông đến đào tạo chuyên nghiệp và đại học. Đây chính là bước đi chiến lược giúp định hình một nền giáo dục thống nhất, hiện đại hơn, có khả năng thích ứng với yêu cầu xây dựng đất nước trong thời bình.

Thứ hai, cải cách đã đóng góp to lớn cho kháng chiến, khi nhanh chóng hình thành một hệ thống giáo dục có tổ chức, từ phổ thông đến chuyên nghiệp, phù hợp với điều kiện chiến tranh. Thông qua việc mở rộng cơ hội học tập, ưu tiên con em gia đình kháng chiến và huy động sức mạnh xã hội, một lực lượng cán bộ, giáo viên, y sĩ, kỹ thuật viên cùng đông đảo thanh niên có tri thức được đào tạo, trực tiếp phục vụ cho các mặt trận. Giáo dục góp phần nâng cao dân trí, bồi đắp tinh thần yêu nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời khẳng định vai trò như một lĩnh vực chiến lược song hành với quân sự và chính trị, tạo niềm tin vững chắc vào thắng lợi của cách mạng.

Thứ ba, cải cách năm 1950 để lại ảnh hưởng sâu rộng đối với các cuộc cải cách tiếp theo. Các nguyên lý và mô hình đã được xác lập trong thời điểm đặc biệt này tiếp tục được kế thừa, điều chỉnh và hoàn thiện trong các mốc cải cách 1956, 1979, 1986, 2006 và 2018. Những kinh nghiệm về thiết kế hệ thống, đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và mô hình tổ chức trở thành nền tảng cho cải cách 1956 với hệ thống phổ thông 10 năm và cải cách 1979 - với hệ thống phổ thông 12 năm. Các nguyên lý cốt lõi của cải cách 1950 tiếp tục được kế thừa, giúp từng bước hoàn thiện cấu trúc và bản chất của nền giáo dục quốc dân.

Đặc biệt, ảnh hưởng lâu dài của cải cách 1950 còn được phát huy trong thời kì đổi mới sau 1986. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, giáo dục được xác định là quốc sách hàng đầu, nguyên lý Dân tộc - Khoa học - Đại chúng vẫn giữ nguyên giá trị, thể hiện trong các chính sách nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cũng như trong chủ trương phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và phát triển giáo dục nghề nghiệp. Tư tưởng "Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn" được vận dụng mạnh mẽ, góp phần xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, tầm nhìn về một nền giáo dục vừa giữ bản sắc dân tộc vừa tiếp thu tinh hoa khoa học - công nghệ thế giới đã mở đường cho quá trình hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

Như vậy, cuộc Cải cách giáo dục năm 1950 không chỉ giải quyết yêu cầu cấp bách của kháng chiến mà còn thể hiện một tầm nhìn xa, để lại di sản lý luận và thực tiễn bền vững cho sự phát triển của nền giáo dục quốc dân trong suốt tiến trình hiện đại hóa và hội nhập. Cải cách năm 1950 có thể được xem như một "mốc khởi quy chuẩn" cho tiến trình hiện đại

hóa và hội nhập của giáo dục Việt Nam, đồng thời vẫn mang đến những hàm ý sâu sắc cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

4. Thảo luận

4.1. *Cải cách giáo dục năm 1950 - Bước chuyển về triết lý và thiết chế giáo dục*

Dưới góc nhìn triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Cải cách giáo dục năm 1950 không chỉ nằm ở việc đổi mới hệ thống giáo dục, chương trình hay sách giáo khoa mà trước hết là xác lập một triết lý giáo dục mới phù hợp với yêu cầu xây dựng quốc gia độc lập. Nếu trước năm 1945 giáo dục chủ yếu phục vụ bộ máy thuộc địa, thì cuộc cải cách đã chuyển mục tiêu sang đào tạo con người phục vụ kháng chiến, kiến quốc và phát triển đất nước. Ba nguyên lý Dân tộc - Khoa học - Đại chúng trở thành nền tảng định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp và tổ chức giáo dục. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Biesta (2015) khi cho rằng, giáo dục không chỉ truyền thụ tri thức mà còn hình thành công dân có trách nhiệm với xã hội.

Dưới góc độ thể chế, Cải cách giáo dục năm 1950 đánh dấu sự chuyển đổi từ một hệ thống giáo dục phân tán sang một hệ thống giáo dục quốc gia thống nhất, trong đó Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện. Vì vậy, bước ngoặt của cuộc cải cách không chỉ thể hiện ở những thay đổi về cơ cấu hay chương trình mà còn ở sự chuyển đổi về triết lý giáo dục và mô hình quản trị hệ thống.

4.2. *Giá trị lịch sử và những giới hạn của cuộc cải cách*

Việc đánh giá Cải cách giáo dục năm 1950 cần đặt trong bối cảnh kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong điều kiện nguồn lực hết sức hạn chế, việc xây dựng được một hệ thống giáo dục thống nhất, mở rộng phong trào học tập và xác lập những nguyên lý nền tảng cho nền giáo dục mới là một thành tựu có ý nghĩa lịch sử.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa giá trị bền vững của các nguyên lý giáo dục và những giải pháp mang tính tình thế trong điều kiện chiến tranh. Mục tiêu đào tạo khi đó chủ yếu phục vụ kháng chiến; việc triển khai còn không đồng đều giữa các địa phương; chất lượng giáo dục chịu ảnh hưởng của hạn chế về cơ sở vật chất, đội ngũ và học liệu (Ngô Đăng Tri, 2008). Những hạn chế này chủ yếu bắt nguồn từ bối cảnh lịch sử, không phủ nhận giá trị của tư tưởng cải

cách. Cách tiếp cận này giúp tránh cả khuynh hướng tuyệt đối hóa lẫn phủ nhận vai trò lịch sử của Cải cách giáo dục năm 1950.

4.3. Giá trị kế thừa và hàm ý đối với đổi mới giáo dục hiện nay

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều nguyên lí được xác lập từ Cải cách giáo dục năm 1950 vẫn được kế thừa trong tiến trình đổi mới giáo dục, song đã được phát triển phù hợp với bối cảnh mới. Nguyên lí Dân tộc được mở rộng theo hướng giữ gìn bản sắc gắn với hội nhập quốc tế; Khoa học gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đại chúng được phát triển thành bảo đảm quyền học tập, công bằng giáo dục và xây dựng xã hội học tập. Điều này cho thấy giá trị bền vững của các nguyên lí giáo dục, đồng thời phản ánh quá trình phát triển chứ không phải sự kế thừa nguyên trạng. Điều này chứng minh sức sống bền bỉ của tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh và giá trị trường tồn của Cải cách năm 1950 (Bộ Chính trị, 2025).

Bài học quan trọng từ Cải cách giáo dục năm 1950 không nằm ở việc vận dụng nguyên xi các mô hình lịch sử mà ở tư duy cải cách mang tính hệ thống: bắt đầu từ triết lí giáo dục, xác định mục tiêu đào tạo, thiết kế đồng bộ hệ thống, chương trình, đội ngũ và cơ chế thực thi chính sách. Quan điểm này tương đồng với cách tiếp cận của UNESCO (2021) về xây dựng một “Khế ước xã hội mới cho giáo dục”, trong đó giáo dục hướng tới công bằng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Dưới góc nhìn đó, việc triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW cần được xem là quá trình kế thừa và phát triển các nguyên lí của Cải cách giáo dục năm 1950 trên cơ sở đáp ứng những yêu cầu mới của chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Cải cách giáo dục năm 1950 vừa đặt nền móng cho nền giáo dục mới vừa để lại những bài học triển khai trong điều kiện khó khăn. Những kinh nghiệm ấy khi soi chiếu vào bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay vẫn mang ý nghĩa định hướng sâu sắc, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về con đường phát triển giáo dục Việt Nam trong tương lai.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, giá trị cốt lõi của Cải cách giáo dục năm 1950 không chỉ nằm ở việc cải tổ hệ thống giáo dục, chương trình hay sách giáo khoa mà trước hết ở việc xác lập một triết lí giáo dục và một thiết kế thể chế mới cho nền giáo dục quốc gia. Trên nền tảng ba nguyên lí Dân tộc - Khoa học - Đại

chúng, cuộc cải cách đã định hình mục tiêu giáo dục hướng tới đào tạo con người phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đồng thời xác lập vai trò chủ đạo của Nhà nước trong hoạch định chính sách, tổ chức hệ thống giáo dục và huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục. Đây là bước chuyển quan trọng, tạo nền tảng cho sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo.

Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu là giá trị bền vững của Cải cách giáo dục năm 1950 không nằm ở các mô hình tổ chức cụ thể mà ở các nguyên lí giáo dục được hình thành từ cuộc cải cách. Trong tiến trình phát triển của nền giáo dục Việt Nam, các nguyên lí này không được kế thừa một cách nguyên trạng mà được điều chỉnh và phát triển phù hợp với yêu cầu của từng thời kì lịch sử. Nếu năm 1950, giáo dục hướng tới đào tạo công dân phục vụ kháng chiến và kiến quốc thì trong bối cảnh hiện nay các nguyên lí Dân tộc - Khoa học - Đại chúng tiếp tục được phát triển theo hướng giữ gìn bản sắc dân tộc gắn với hội nhập quốc tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời bảo đảm quyền học tập, công bằng trong tiếp cận giáo dục và xây dựng xã hội học tập. Điều này cho thấy sự kế thừa diễn ra ở cấp độ triết lí giáo dục và định hướng phát triển, trong khi các mục tiêu, nội dung và phương thức tổ chức giáo dục luôn được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước.

Về mặt học thuật, nghiên cứu góp phần bổ sung cách tiếp cận phân tích Cải cách giáo dục năm 1950 như một quá trình kiến tạo thể chế giáo dục, thay vì chỉ xem đây là một sự kiện lịch sử hoặc một cuộc đổi mới về hệ thống giáo dục. Cách tiếp cận này giúp lí giải rõ hơn tính bước ngoặt của cuộc cải cách, đồng thời làm sáng tỏ cơ chế kế thừa và phát triển các nguyên lí giáo dục qua các giai đoạn đổi mới của nền giáo dục Việt Nam.

Từ những phát hiện trên, nghiên cứu cho rằng, việc triển khai các chủ trương đổi mới giáo dục hiện nay, trong đó có Nghị quyết số 71-NQ/TW về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cần được tiếp cận theo tư duy kế thừa có chọn lọc. Giá trị của Cải cách giáo dục năm 1950 không nằm ở việc vận dụng nguyên trạng các mô hình lịch sử mà ở việc kế thừa những nguyên lí nền tảng về triết lí giáo dục, vai trò kiến tạo của Nhà nước và tư duy thiết kế đồng bộ giữa mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục, chương trình, đội ngũ và cơ chế thực thi chính sách trong bối cảnh mới.

Bài viết cũng mở ra một số hướng nghiên cứu tiếp theo như: 1) Phân tích sự kế thừa và biến đổi của các nguyên lý giáo dục qua các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam; 2) Nghiên cứu so sánh vai trò của Nhà

nước trong các giai đoạn cải cách giáo dục từ năm 1950 đến nay; 3) Đánh giá việc vận dụng các nguyên lý của Cải cách giáo dục năm 1950 trong quá trình thực hiện các chủ trương đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Biesta, G. (2015). *Good education in an age of measurement: Ethics, politics, democracy*. Routledge.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-71-nqtw-ngay-2282025-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-11771>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1995). *Số liệu thống kê giáo dục và đào tạo 1945 - 1995*, Trung tâm thông tin quản lý Giáo dục, Hà Nội.
- Bùi Minh Hiền. (2004). *Lịch sử Giáo dục Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Bùi Minh Hiền & Nguyễn Quốc Trị. (2023). *Lịch sử giáo dục Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Đình Quang Hải (Chủ biên), Đỗ Thị Nguyệt Quang, Nguyễn Thúy Quỳnh & Lương Thị Hồng. (2020). *Lịch sử giáo dục Miền Bắc Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975*. NXB Khoa học Xã hội.
- Fullan, M. (2007). *The new meaning of educational change* (4th ed.). Teachers College Press.
- Lê Văn Giảng. (2003). *Lịch sử giản lược hơn 1000 năm nền giáo dục Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nghiêm Đình Vỹ. (2016). *Cải cách giáo dục: Một số vấn đề chung và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Ngô Đăng Tri. (2008). *Giáo dục Việt Nam thời kì 1945 - 1954: Diễn trình, thành tựu và kinh nghiệm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Tất Dong (Chủ biên). (2010). *Giáo dục Việt Nam 1945 - 2010 (tập 1)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ tập 1, gói FT, Tài liệu về cuộc cải cách giáo dục 1950 của Nhà Trung tiểu học. Hà Nội.
- UNESCO. (2021). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. UNESCO.